

Bản án số: 55/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 16/11/2019

*V/v tranh chấp ly hôn,
nuôi con khi ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chiêm Ngọc Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Lê Văn Quân.

2/ Ông Trần Huy Tùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thị Qual - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Hương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16/11/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 146/2019/TLST-HNGĐ ngày 22/7/2019 về tranh chấp ly hôn và nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/10/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Kim Thị Mol T, sinh năm 1993 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã A, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng.

2. *Bị đơn:* Ông Triệu R, sinh năm 1989 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã L, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/7/2019 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Kim Thị Mol T trình bày: Vào năm 2012, bà T và ông Triệu R được sự chấp thuận của hai bên gia đình tự nguyện tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được UBND xã L, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 251, quyển 02/2011 ngày 15/02/2012. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, ông R không lo làm ăn và không chung thủy. Bà T đã tha thứ cho ông R nhiều lần, ông R hứa hẹn nhưng không sửa đổi. Bà T và ông R đã không còn chung sống từ tháng 05/2019 đến nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông R.

Thời gian chung sống vợ chồng có một con chung là Triệu Ngọc Kim C, sinh ngày 21/4/2013, hiện đang chung sống với bà T. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi cháu C đủ 18 tuổi, không yêu cầu ông R phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn ông Triệu R trình bày:* Ông thống nhất với lời trình bày của bà T về thời gian kết hôn, con chung, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn, trong quá trình chung sống ông có nhậu nhẹt, có quan hệ với người phụ nữ khác, có đánh bà T nhưng ông không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ con, ông cũng không đồng ý giao con cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, đương sự chấp hành đúng pháp luật và đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Kim Thị Mol T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Kim Thị Mol T, nhận thấy bà T và ông R tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ, có đăng ký kết hôn và được UBND xã L, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 251, quyển 02/2011 ngày 15/02/2012. Quan hệ hôn nhân của bà T và ông R không vi phạm các điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Nhưng sau một thời gian chung sống đến năm 2014 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do bất đồng ý kiến, dẫn đến cãi vã. Hiện bà T nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng với ông R nên có nguyện vọng ly hôn. Bà T và ông R đã không còn chung sống từ tháng 5/2019 đến nay.

Ông R thống nhất với lời trình bày của bà T về thời gian kết hôn, con chung, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn, trong quá trình chung sống ông có nhậu nhẹt, có quan hệ với người phụ nữ khác, có đánh bà T nhưng ông không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ con, Hội đồng xét xử đã phân tích động viên bà T suy nghĩ lại, hàn gắn tình cảm vợ chồng với ông R, nhưng bà T vẫn cương quyết xin được ly hôn, từ đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa các bên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông R.

[2] Thời gian chung sống bà T và ông R có một con chung là Triệu Ngọc Kim C, sinh ngày 21/4/2013, hiện đang chung sống với bà T. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến đủ 18 tuổi, không yêu cầu ông R phải cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa ông R không đồng ý giao con cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, nhưng ông R không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào để chứng minh ông có điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng con chung, trong khi đó cháu C hiện

đang chung sống với bà T, để đảm bảo cuộc sống của cháu C không bị xáo trộn, để cháu phát triển bình thường về tâm, sinh lý, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được nuôi con của bà T, giao cháu C cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu C đủ 18 tuổi. Bà T hiện có việc làm, thu nhập ổn định, đảm bảo đủ điều kiện nuôi con nên việc bà T không yêu cầu ông R cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về tài sản chung: Bà T và ông R xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về nợ chung: Bà T và ông R xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu của nguyên đơn, đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Án phí sơ thẩm: Bà T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Kim Thị Mol T.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Kim Thị Mol Tha được ly hôn với ông Triệu R.

- Về con chung: Giao con chung là Triệu Ngọc Kim C, sinh ngày 21/4/2013 cho bà Kim Thị Mol T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu C đủ 18 tuổi. Ông Triệu R không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Triệu R được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Ông Triệu R không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Triệu Ngọc Kim C của bà Kim Thị Mol T.

- Về tài sản chung: Bà Kim Thị Mol T và ông Triệu R xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Bà Kim Thị Mol T và ông Triệu R xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2/ Về án phí sơ thẩm: Bà Kim Thị Mol T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền ứng án phí bà T đã nộp 300.000 đồng, theo Biên lai số 0005822, ngày 22/7/2019 của Chi cục thi hành án

dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, bà T đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí.

Ông Triệu R không phải chịu án phí sơ thẩm.

3/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải Thi hành án có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ST (Phòng KTNN&THA);
- Đương sự;
- VKSND huyện Trần Đề;
- UBND xã L, h.TĐ;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Chiêm Ngọc Linh